

BÁO CÁO SINH HOẠT HỌC THUẬT

Người báo cáo: ThS. Nguyễn Trọng Thảo

“PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP THEO HỆ TÍN CHỈ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ”

MỞ ĐẦU:

Đánh giá quá trình học tập của SV trong đào tạo theo hệ tín chỉ nhằm đánh giá nhận thức và kiến thức tích lũy được của HP thông qua hoạt động dạy – học. Tỷ trọng đánh giá này được công bố trong chương trình HP và chương trình GDHP nhằm giúp cho SV chủ động định hướng và phân bổ thời gian học tập. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện của mỗi Trường vận dụng qui chế của Bộ về tỷ trọng điểm đánh giá. Tỷ trọng này sẽ ảnh hưởng nhiều đến phương pháp, động cơ thái độ học tập và phương pháp giảng dạy của giảng viên.

Trong khuôn khổ báo cáo sẽ trích các văn bản hướng dẫn của Bộ, vận dụng của Trường ĐH Nha Trang và ĐH Nông Lâm Huế để làm rõ hơn về cách đánh giá này.

Trích qui chế của Bộ:

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Trích Quyết định sửa đổi bổ sung của Trường ĐH Nha Trang:

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số 50%”.

Như vậy: Chúng ta tính điểm đánh giá Quá trình học tập bao gồm tất cả các điểm đánh giá bộ phận của Chương trình GDHP theo tỷ trọng qui định và được phê

duyet. Trong khi đó cách tính điểm Quá trình học tập tại Trường Đại học Nông Lâm Huế như sau:

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Huế, ngày 09 tháng 10 năm 2012

Thầy báo chốt trên thi giáo viên
17/10/2012

QUY ĐỊNH

Về cách tính điểm chuyên cần và điều kiện dự thi kết thúc học phần

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo (Quy chế 43);

Căn cứ Quy định sửa đổi về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Nông Lâm - Huế (Ban hành kèm theo Quyết định số 384/QĐ-ĐHNL-ĐTĐH ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - Huế).

Quy định việc tính điểm chuyên cần và điều kiện dự thi kết thúc học phần như sau:

1. Cách tính điểm chuyên cần:

Điểm chuyên cần được tính khi đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần. Cách tính điểm chuyên cần như sau:

Tỷ lệ (%) số tiết vắng	Điểm chuyên cần
Không vắng	10
< 10 %	8
< 20 %	6
20 - 30 %	4
> 30 %	0 (Không đủ điều kiện dự thi)

2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần sau khi đã nộp đủ học phí của học kỳ và có đủ các điều kiện sau:

a. Đối với các học phần lý thuyết:

Phải có mặt trên lớp học ít nhất 70% số tiết lên lớp của học phần.

b. Đối với các học phần chỉ có thực hành:

Tham dự đầy đủ thời gian quy định cho học phần thực hành.

c. Đối với các học phần có cả thực hành và lý thuyết:

Tham dự đầy đủ số giờ quy định cho phần thực hành, phải hoàn thành đầy đủ các bài thực hành, thực tập và được đánh giá là đạt phần thực hành, đồng thời đủ điều kiện dự thi phần lý thuyết (quy định tại mục a).

3. Công bố điểm bộ phận, điều kiện dự thi kết thúc học phần:

Sau khi hoàn thành kế hoạch lên lớp lý thuyết và thực hành, giáo viên giảng dạy phải công bố: điểm chuyên cần, điểm đánh giá (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận, bài tập, thực hành, thực tập...) và điều kiện dự thi kết thúc học phần cho sinh viên biết.

4. Hiệu lực thi hành:

Quy định này được áp dụng từ năm học 2012 - 2013.

Yêu cầu thủ trưởng các đơn vị và giáo viên nghiêm túc thực hiện quy định này. *lbn*



TS. Lê Thanh Bôn

gửi qua mạng

Thực tế triển khai đánh giá theo phần mềm như sau:

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

5	Học phần: [TSAN2642] Kỹ thuật khai thác thủy sản	Số tín chỉ: 2
6	Học kỳ: 1 - Năm học: 2013-2014	Hs QTHT: 30%
7	Lớp học phần: Kỹ thuật khai thác thủy sản - Nhóm 1	Hs Điểm thi: 70%
8	Giảng viên: Mời Giáo Viên	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Điểm thành phần			Điểm QTHT		Ghi chú	
			(1)	(2)	(3)	Ghi số	Ghi chữ		
12	1	11L3141003	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	10	9.1		3.3	Ba, Ba
13	2	11L3141004	Võ Hoàng	Ba	10	7.7		3.3	Ba, Ba
14	3	11L3141005	Nguyễn Hoài	Bào	8	6.4		2.7	Hai, Bảy
15	4	11L3141009	Nguyễn Văn Nhật	Chương	8	7.1		2.7	Hai, Bảy
16	5	11L3141010	Hoàng Văn	Cường	10	6.3		3.3	Ba, Ba
17	6	11L3141013	Trần Hồng	Diên	10	8.6		3.3	Ba, Ba
18	7	11L3141014	Trình Thị Thanh	Diệu	10	9.1		3.3	Ba, Ba
19	8	11L3141015	Cái Văn	Duân	8	8.7		2.7	Hai, Bảy
20	9	11L3141016	Nguyễn Thị	Dung	10	8.2		3.3	Ba, Ba
21	10	11L3141018	Phan Thị	Dung	10	8.6		3.3	Ba, Ba
22	11	11L3141022	Thiều Quang	Dương	10	7		3.3	Ba, Ba
23	12	11L3141023	Nguyễn	Đạo	10	7.5		3.3	Ba, Ba
24	13	11L3141026	Ngô Nhật	Đức	10	7.5		3.3	Ba, Ba
42	31	11L3141080	Ngô Văn	Phú	10	8		3.3	Ba, Ba
43	32	11L3141083	Hoàng Thị Thanh	Quyên	10	6.5		3.3	Ba, Ba
44	33	11L3141086	Hồ Ngọc	Sang	10	8.6		3.3	Ba, Ba
45	34	11L3141090	Hà Công	Tâm	10	7.6		3.3	Ba, Ba
46	35	11L3141091	Nguyễn Ngọc	Tân	10	8.7		3.3	Ba, Ba
47	36	11L3141093	Hà Ngọc	Thành	8	7.5		2.7	Hai, Bảy
48	37	11L3141094	Lê Văn	Thảo	10	8.5		3.3	Ba, Ba
49	38	11L3141095	Nguyễn Thị	Thảo	10	8.3		3.3	Ba, Ba
50	39	11L3141101	Lê Thị	Thùy	10	8		3.3	Ba, Ba
51	40	11L3141104	Hồ Văn	Tinh	4	6.5		1.3	Một, Ba
52	41	11L3141106	Hồ Thị	Trang	10	9.1		3.3	Ba, Ba
53	42	11L3141107	Lê Thị Hà	Trang	10	9		3.3	Ba, Ba
54	43	11L3141115	Mai Quốc	Tuân	10	7		3.3	Ba, Ba
55	44	11L3141119	Nguyễn Ngọc	Tùng	10	7		3.3	Ba, Ba
56	45	11L3141127	Văn Phú	Việt	10	9		3.3	Ba, Ba
57	46	11L3141128	Mai Xuân	Vũ	4	7.5		1.3	Một, Ba
58	47	11L3141129	Tạ Văn	Vỹ	6	6.5		2	Hai

59 Danh sách này có 47 sinh viên.

60 **Ghi chú: Điểm QTHT được tính theo thang điểm 10**

Huế, ngày tháng năm 20.....

61 (1): Điểm chuyên cần phần lý thuyết (10%)

GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH

62 (2): Điểm trung bình các điểm chuẩn bị bài ở nhà; kiểm tra;

63 bài tập; thực hành; tiểu luận ... (20%)

64 (3): Điều kiện phân thực hành của HP (Không đủ ĐK: ghi số 0; đủ ĐK: để trống)

Nhanh

Kết quả trên được nhập từ bảng theo dõi sau:

Ngành học: QLNLT 44

Các hoạt động đánh giá:

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)
1	Tham gia học trên lớp (TGH): <i>tham gia học đi, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận...</i>	Quan sát, điểm danh	15
2	Tự nghiên cứu: (TNC): <i>hoàn thành nhiệm vụ GV giao</i>	Đánh giá nhận thức	10
3	Hoạt động nhóm (HĐN)	Trình bày báo cáo	15
4	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ (KTCK)	Viết	10
5	Thi kết thúc học phần (THP)	Viết	50
$DHP = TGH \times tr.số + TNC \times tr.số + HĐN \times tr.số + KTCK \times tr.số + THP \times tr.số.$			

Stt	Mã SV	Họ & Tên Sinh Viên	1.TGH	2.TNC	3.HĐN	4.KTCK	
1	10L3141007	Phan Văn Bình	7	8	8	9	
2	10L3141009	Bùi Sơn Ca	6	8	9	8	
3	10L3141010	Lê Cương	9	9	10	9	
4	10L3141018	Nguyễn Duy Đoàn	10	9	10	9	
5	10L3141019	Nguyễn Minh Đức	5	7	8	6	
6	10L3141114	Nguyễn Thị Giang	9	9	10	7	
7	10L3141022	Trần Thị Tịnh Hải	8	8	8	7	
8	10L3141025	Lê Thị Hải Hằng	8	7	8	8	
9	10L3141026	Trần Thị Hiên	5	8	7	6	
10	10L3141027	Vi Trung Hiếu	6	5	6	5	
11	10L3141029	Lê Thị Hòa	8	8	8	8	
12	10L3141030	Hoàng Thị Hòa	7	8	7	9	
13	10L3141031	Đàm Thị Huệ	10	10	10	8	
14	10L3141039	Cái Thị Diệu Liên	7	6	8	7	
15	10L3141041	Nguyễn Hữu Long	5	5	6	7	
16	10L3141042	Trương Ngọc Long	9	8	9	8	
17	10L3141052	Lê Hữu Nam	5	6	7	5	
18	10L3141058	Nguyễn Đức Phú	8	7	8	7	
19	10L3141062	Hồ Thị Hồng Phượng	8	8	7	9	
20	10L3141066	Lê Cao Thảo Quyên	9	8	9	9	
21	10L3141069	Hà Thị Quý	7	6	7	9	
22	10L3141071	Cao Tài	7	6	6	5	
23	10L3141073	Trần Lê Tịnh Tâm	8	7	8	8	
24	10L3141074	Huỳnh Bá Thanh	7	6	7	7	
25	10L3141085	Ngô Thị Thuận	7	8	8	9	
26	10L3141086	Nguyễn Thị Thanh Thúy	7	7	8	7	
27	10L3141090	Vũ Thị Đoàn Thương	8	8	9	8	
28	10L3141094	Phan Thị Toàn	7	7	8	7	
29	10L3141097	Nguyễn Gia Minh Trí	5	6	7	7	
30	10L3141126	Trần Nguyên Trung	5	5	6	6	
31	10L3141103	Phan Thị Tư	8	7	8	8	
32	10L3141104	Võ Đình Tư	9	8	9	8	
33	10L3141106	Nguyễn Anh Vụ	7	8	7	9	
34	10L3141130	Hoàng Quốc Dương	6	8	8	8	
35	10L3141132	Văn Minh Quang	5	6	7	6	
36	10L3141133	Đào Thị Thủy	10	9	10	10	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Stt	Mã SV	Họ & Tên Sinh Viên		Theo dõi quá trình học tập của sinh viên						Nhóm
1	10L3141007	Phan Văn	Bình			W				1
2	10L3141009	Bùi Sơn	Ca		r	W		V		1
3	10L3141010	Lê	Cương		R,r	W				1
4	10L3141018	Nguyễn Duy	Đoàn		W, r	W,	R			1
5	10L3141019	Nguyễn Minh	Đức			R		v		1
6	10L3141114	Nguyễn Thị	Giang	R		R				1
7	10L3141022	Trần Thị Tịnh	Hải			r				1
8	10L3141025	Lê Thị Hải	Hằng	R						2
9	10L3141026	Trần Thị	Hiền	V						2
10	10L3141027	Vi Trung	Hiếu	P						2
11	10L3141029	Lê Thị	Hòa		R					2
12	10L3141030	Hoàng Thị	Hòa							2
13	10L3141031	Đàm Thị	Huệ		W,r	R	w	r		2
14	10L3141039	Cái Thị Diệu	Liên				R			2
15	10L3141041	Nguyễn Hữu	Long					V		3
16	10L3141042	Trương Ngọc	Long		R,w					3
17	10L3141052	Lê Hữu	Nam					V		3
18	10L3141058	Nguyễn Đức	Phú	R						3
19	10L3141062	Hồ Thị Hồng	Phượng	R						3
20	10L3141066	Lê Cao Thảo	Quyên	R				W		3
21	10L3141069	Hà Thị	Quý	F						3
22	10L3141071	Cao	Tài							4
23	10L3141073	Trần Lê Tịnh	Tâm					r		4
24	10L3141074	Huỳnh Bá	Thanh	R						4
25	10L3141085	Ngô Thị	Thuận	R						4
26	10L3141086	Nguyễn Thị Thanh	Thúy			R				4
27	10L3141090	Vũ Thị Đoàn	Thương		r					4
28	10L3141094	Phan Thị	Toàn							4
29	10L3141097	Nguyễn Gia Minh	Trí	P						5
30	10L3141126	Trần Nguyên	Trung	V						5
31	10L3141103	Phan Thị	Tư		r					5
32	10L3141104	Võ Đình	Tư				r	R,w		5
33	10L3141106	Nguyễn Anh	Vụ							5
34	10L3141130	Hoàng Quốc	Dương							1
35	10L3141132	Văn Minh	Quang					V		5
36	10L3141133	Đào Thị	Thủy	R	W,r					5

Danh sách này có 36 sinh viên

Giáo viên giảng dạy

THẢO LUẬN:

1. Tính tích cực trong học tập qua cách đánh giá (tỷ trọng điểm đánh giá)?
2. Quản lý SV trong HDN và chuyên cần với sĩ số SV/lớp như thế nào là hợp lý, hiệu quả và công bằng ?
3. Cách đánh giá SV qua điểm QTHT theo các chủ đề của HP ?
4. Thực hiện cho điểm QTHT và phần mềm xử lý ở Trường ta ?